VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25 /2020/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan đến lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng* (sau đây viết tắt là TCVN/QS) là tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng* (sau đây viết tắt là QCVN/BQP) là quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

3. *Tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng* (sau đây viết tắt là TCQS) là tiêu chuẩn do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành ban hành theo thẩm quyền thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng được giao quản lý.

4. *Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài thành tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng* là việc công bố một tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng có nội dung hoàn toàn tương đương hoặc tương đương có sửa đổi với nội dung của tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng.

5. *Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng* là phòng, ban, trợ lý Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Yêu cầu chung trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng trong các trạng thái mua sắm nhập khẩu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến và đang khai thác sử dụng; các hoạt động dịch vụ liên quan đến quân sự, quốc phòng.

2. Đảm bảo về bí mật quân sự, quốc phòng, an toàn, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, quyền và lợi ích của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ nguyên tắc làm việc đồng thuận trên cơ sở thảo luận công khai, dân chủ của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển của Quân đội; các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài có tính chất tương đồng, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Ưu tiên xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo nhóm các đối tượng tương đồng về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý.

6. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong Quân đội và quốc gia.

7. Trường hợp viện dẫn tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với các yêu cầu kỹ thuật, cơ quan soạn thảo phải đảm bảo có sẵn bản tiếng Việt của tài liệu viện dẫn và chịu trách nhiệm về nội dung, tính pháp lý của bản tiếng Việt.

Điều 5. Loại tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

1. Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng bao gồm một hoặc kết hợp các loại sau:

a) Tiêu chuẩn cơ bản quy định những đặc tính, yêu cầu áp dụng chung cho một phạm vi rộng hoặc chứa đựng các quy định, quy phạm chung cho một lĩnh vực cụ thể trong hoạt động quân sự, quốc phòng;

b) Tiêu chuẩn thuật ngữ quy định tên gọi, định nghĩa, ký hiệu sử dụng trong các ngành, chuyên ngành trong Quân đội;

c) Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật quy định về chỉ tiêu, mức chỉ tiêu, yêu cầu đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng, công trình quốc phòng;

d) Tiêu chuẩn phương pháp quy định phương pháp lấy mẫu, phương pháp đo, phương pháp thử, phương pháp kiểm tra, phương pháp phân tích, phương pháp giám định các mức, chỉ tiêu, yêu cầu đối với vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng, công trình quốc phòng;

đ) Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định các yêu cầu về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng;

e) Tiêu chuẩn toàn diện quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, phương pháp kiểm tra và các yêu cầu về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng;

g) Tiêu chuẩn phân cấp chất lượng quy định các yêu cầu về hồ sơ, lý lịch, thời gian sử dụng, tính đồng bộ và chỉ tiêu kỹ thuật tương ứng với từng cấp chất lượng đối với vũ khí trang bị, sản phẩm quốc phòng, công trình quốc phòng.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng gồm:

a) Quy chuẩn kỹ thuật chung quy định về an toàn, kỹ thuật và quản lý áp dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Căn cứ mục đích, yêu cầu quản lý cụ thể, các cơ quan, đơn vị đề nghị bổ sung loại quy chuẩn khác cho phù hợp với lĩnh vực quản lý chuyên ngành được phân công trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

3. Tiêu chuẩn cơ sở gồm: Tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

Căn cứ quy mô hoạt động, mục đích, yêu cầu quản lý cụ thể, các cơ quan, đơn vị quyết định bổ sung loại tiêu chuẩn khác bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 6. Đối tượng, căn cứ xây dựng TCVN/QS

1. Đối tượng xây dựng của TCVN/QS, gồm:

a) Vũ khí trang bị, sản phẩm, hàng quốc phòng; công trình quốc phòng;

b) Thuật ngữ trong các ngành, chuyên ngành trong Quân đội;

c) Phương pháp đo, kiểm tra, thử nghiệm, lấy mẫu;

d) Lĩnh vực, quá trình cụ thể trong hoạt động quân sự, quốc phòng.

2. Căn cứ để xây dựng TCVN/QS, gồm:

a) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;

b) Tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc tính năng chiến kỹ thuật của vũ khí trang bị mua sắm nhập khẩu, sản phẩm, hàng quốc phòng, công trình quốc phòng được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt;

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật sản phẩm quốc phòng được phê duyệt Dấu B theo quy định của Bộ Quốc phòng;

d) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật;

đ) Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, giám định.

3. Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thành TCVN/QS khi có đối tượng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Đối tượng, căn cứ xây dựng QCVN/BQP

1. Đối tượng xây dựng QCVN/BQP, gồm:

a) Phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia;

b) An toàn, vệ sinh lao động đối với phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia;

c) An toàn lao động đối với các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chuyên sử dụng cho mục đích quốc phòng, đặc thù quân sự;

d) An toàn, an ninh trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Căn cứ để xây dựng QCVN/BQP, gồm:

a) Tiêu chuẩn quốc gia;

b) Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng;

c) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;

d) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật;

đ) Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm.

Điều 8. Đối tượng, yêu cầu, căn cứ xây dựng TCQS

1. Đối tượng xây dựng TCQS, gồm:

a) Các loại phụ tùng, bộ phận, chi tiết, vật tư và các sản phẩm khác để đảm bảo đồng bộ phục vụ cho quá trình sản xuất, sửa chữa, cải tiến vũ khí trang bị;

b) Các vũ khí trang bị đặc thù sử dụng trong phạm vi của đơn vị.

2. Yêu cầu:

a) Không được trái với QCVN/BQP, TCVN/QS và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Phải phù hợp với trình độ tiến bộ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất, sửa chữa của đơn vị.

3. Căn cứ để xây dựng TCQS, gồm:

a) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm, nhu cầu và khả năng thực tiễn của đơn vị; tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng được khuyến khích sử dụng để xây dựng hoặc chấp nhận thành TCQS;

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật của đối tượng xây dựng TCQS được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng của đối tượng xây dựng tiêu chuẩn.

Điều 9. Phạm vi, phương thức và biện pháp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Phạm vi áp dụng:

a) TCVN/QS áp dụng bắt buộc trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng;

b) TCQS áp dụng bắt buộc trong phạm vi cấp ban hành;

c) QCVN/BQP áp dụng bắt buộc trong phạm vi quốc gia;

d) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng tự nguyện; trường hợp cần thiết được áp dụng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Phương thức áp dụng:

a) Áp dụng trực tiếp: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng trực tiếp mà không thông qua một văn bản, tài liệu trung gian khác;

b) Áp dụng gián tiếp: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng thông qua văn bản, tài liệu trung gian khác.

3. Biện pháp áp dụng:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đào tạo việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng liên quan;

b) Đẩy mạnh các hoạt động đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu để áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài phù hợp nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong điều kiện Việt Nam. Có kế hoạch đầu tư công nghệ, quản lý, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được dự kiến áp dụng.

Chương II
LẬP, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Điều 10. Lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng TCVN/QS **năm năm và hằng năm**

1. Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm và hằng năm.

a) Kế hoạch năm năm phải đáp ứng nhu cầu phát triển của Quân đội, yêu cầu quản lý nhà nước, nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao và yêu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng;

b) Kế hoạch hằng năm phải phù hợp với kế hoạch năm năm. Kế hoạch hằng năm, gồm các nội dung xây mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCVN/QS.

2. Kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm:

a) Nội dung kế hoạch gồm: lĩnh vực, đối tượng xây dựng; loại tiêu chuẩn; số lượng tiêu chuẩn; thời gian thực hiện; nguồn kinh phí thực hiện. Nội dung kế hoạch năm năm theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Quý II năm cuối kỳ kế hoạch năm năm, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập kế hoạch năm năm tiếp theo thuộc lĩnh vực, chuyên ngành được phân công gửi về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng tổng hợp;

c) Trên cơ sở định hướng phát triển của Bộ Quốc phòng, Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng lập kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm, các cơ quan, đơn vị phải có văn bản tham gia ý kiến gửi về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng để tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định;

d) Kế hoạch năm năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị hoặc nhiệm vụ đột xuất do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao.

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm thực hiện theo trình tự quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm

a) Nội dung kế hoạch gồm: Tên tiêu chuẩn cần xây dựng; thời gian thực

hiện; phương thức xây dựng (chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài; xây dựng mới; sửa đổi, bổ sung); dự toán chi và nguồn kinh phí thực hiện; đơn vị chủ trì xây dựng, đơn vị phối hợp. Nội dung kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Quý II hằng năm, căn cứ vào kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm, nhu cầu xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, kết quả rà soát định kỳ TCVN/QS; cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm cho năm sau thuộc lĩnh vực, chuyên ngành được phân công gửi về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng.

Trên cơ sở kế hoạch xây dựng TCVN/QS năm năm và hằng năm của các cơ quan, đơn vị, Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng lập kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan, đơn vị phải có văn bản tham gia ý kiến gửi về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng.

c) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng nghiên cứu tổng hợp, hoàn chỉnh, lập hồ sơ báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định;

d) Thực hiện kế hoạch hằng năm

Căn cứ kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

đ) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

Trước ngày 01 tháng 10 hằng năm, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng tổng hợp báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 11. Lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN/BQP năm năm và hằng năm

1. Việc lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN/BQP năm năm và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Các nội dung kế hoạch xây dựng QCVN/BQP thực hiện theo quy định tại các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kế hoạch xây dựng QCVN/BQP phải lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 12. Lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng TCQS hằng năm

1. Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc

Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc lập, trình phê duyệt kế hoạch xây dựng TCQS hằng năm.

Nội dung kế hoạch xây dựng TCQS bao gồm: Tên tiêu chuẩn cần xây dựng; thời gian thực hiện; phương thức xây dựng (chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài; xây dựng mới; sửa đổi, bổ sung); dự toán chi và nguồn kinh phí thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cục chuyên ngành phê duyệt kế hoạch xây dựng TCQS hằng năm.

Chương III

TRÌNH TỰ, XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Điều 13. Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành TCVN/QS

1. Xây dựng TCVN/QS

a) Thành lập Ban Biên soạn

Căn cứ kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng TCVN/QS thành lập Ban Biên soạn. Thành phần Ban Biên soạn, gồm: Trưởng ban là Thủ trưởng cục chuyên ngành hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý có liên quan đến đối tượng, lĩnh vực xây dựng TCVN/QS khi được ủy quyền; thành viên Ban Biên soạn là cán bộ có chuyên môn sâu về đối tượng, lĩnh vực xây dựng TCVN/QS và cán bộ của các cơ quan, đơn vị liên quan;

b) Nhiệm vụ Ban Biên soạn

Xây dựng đề cương TCVN/QS theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng xét duyệt thông qua;

Tổ chức đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; tiến hành thử nghiệm, khảo nghiệm (nếu có) để xác định các nội dung, các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật của đối tượng, lĩnh vực xây dựng TCVN/QS và thực hiện việc xây dựng TCVN/QS;

Hoàn thiện TCVN/QS (kèm theo thuyết minh dự thảo và các tài liệu tham khảo), báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan trong Bộ Quốc phòng và các chuyên gia (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

Nghiên cứu, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; tổ chức hội nghị chuyên đề (nếu có); hoàn chỉnh TCVN/QS; thông qua Hội đồng nghiệm thu TCVN/QS;

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì thành lập Hội đồng nghiệm thu gồm: Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc được ủy quyền. Thư ký Hội đồng là cán bộ của Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng trực thuộc cơ quan, đơn vị chủ trì;

Thành phần tham dự Hội đồng gồm đại diện Ban Biên soạn, đại diện cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu, đơn vị sản xuất, sửa chữa, đơn vị sử dụng và các chuyên gia (nếu có).

d) Ban Biên soạn giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng nghiệm thu, hoàn chỉnh TCVN/QS, lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này gửi Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng trực thuộc cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng thẩm tra về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, kết quả thẩm tra được lập thành biên bản;

đ) Ban Biên soạn hoàn thiện TCVN/QS, lập hồ sơ trên cơ sở biên bản thẩm tra; báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị gửi Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thẩm định.

2. Thẩm định hồ sơ TCVN/QS

a) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng xem xét hồ sơ TCVN/QS đề nghị thẩm định; trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này, phải có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS hoàn thiện.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ TCVN/QS. Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; Thư ký Hội đồng là cán bộ Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; Thành viên tham dự Hội đồng gồm đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan và các chuyên gia (nếu có).

Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Điều 4 Thông tư này.

Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng có mặt.

Biên bản thẩm định của Hội đồng được gửi đến cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS và các cơ quan, đơn vị liên quan;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản thẩm định, Ban Biên soạn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện TCVN/QS, lập hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS gửi Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng;

c) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng lập hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành Tiêu chuẩn gửi Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng thẩm định; phối hợp với Ban Biên soạn, cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ TCVN/QS, báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo quy định.

Điều 14. Thẩm định pháp chế kỹ thuật TCVN/QS

1. Căn cứ vào kế hoạch xây dựng TCVN/QS hằng năm, Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị xây dựng TCVN/QS lập kế hoạch, tổ chức thẩm định pháp chế kỹ thuật đối với các TCVN/QS có nội dung, chỉ tiêu kỹ thuật được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm; đánh giá sự phù hợp đối với các mức chỉ tiêu kỹ thuật quan trọng, cơ bản với điều kiện thực tế để khẳng định tính khả thi, tiên tiến của TCVN/QS.

2. Nội dung công tác thẩm định pháp chế kỹ thuật, gồm:

a) Xây dựng chương trình, lập hồ sơ thẩm định;

b) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công tác thẩm định;

c) Tiến hành kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật;

d) Thống nhất, thông qua kết quả thẩm định pháp chế kỹ thuật;

đ) Hoàn thiện hồ sơ thẩm định pháp chế kỹ thuật.

3. Hội đồng thẩm định pháp chế kỹ thuật TCVN/QS gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, Trưởng Tiểu ban kỹ thuật, thành viên Hội đồng là đại diện cơ sở Đo lường-Chất lượng, cơ sở kỹ thuật thực hiện kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các chuyên gia (nếu có).

Hội đồng thành lập Tiểu ban kỹ thuật giúp Hội đồng.

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham gia.

4. Thời gian thực hiện thẩm định pháp chế kỹ thuật sau khi Ban Biên soạn xây dựng xong TCVN/QS và được nghiệm thu ở cấp cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS.

5. Kết quả thẩm định pháp chế kỹ thuật là cơ sở để Ban Biên soạn, cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng hoàn chỉnh TCVN/QS.

Điều 15. Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN/BQP

1. Trình tự các bước xây dựng QCVN/BQP thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này. Mẫu đề cương xây dựng QCVN/BQP quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Hồ sơ QCVN/BQP đề nghị thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

2. Thẩm định hồ sơ QCVN/BQP

a) Trình tự thẩm định hồ sơ QCVN/BQP theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản của Hội đồng thẩm định, Ban Biên soạn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện QCVN/BQP, lập hồ sơ, trình cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP gửi Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng;

c) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thẩm tra hồ sơ QCVN/BQP, báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

Hồ sơ QCVN/BQP gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

d) Sau khi nhận được văn bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chủ trì, phối hợp với Ban Biên soạn, cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh QCVN/BQP; lập hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn gửi Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng thẩm định; chủ trì, phối hợp với Ban Biên soạn, cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ QCVN/BQP báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo quy định.

Điều 16. Trình tự xây dựng, ban hành TCQS

1. Xây dựng TCQS

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng TCQS hằng năm, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCQS thành lập Ban Biên soạn dự thảo TCQS;

b) Nhiệm vụ của Ban Biên soạn:

Lập đề cương xây dựng TCQS báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCQS xét duyệt thông qua. Thành phần xét duyệt đề cương phải có đại diện Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng;

Căn cứ vào nội dung của Đề cương, tổ chức đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; tiến hành thử nghiệm, khảo nghiệm (nếu có) để xác định các nội dung, các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật của đối tượng, lĩnh vực xây dựng dự thảo TCQS và thực hiện việc xây dựng TCQS;

Sau khi hoàn thiện TCQS (kèm theo thuyết minh dự thảo và các tài liệu tham khảo), Ban Biên soạn báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCQS gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và các chuyên gia (nếu có);

Nghiên cứu, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến; tổ chức hội nghị chuyên đề

(nếu có); hoàn chỉnh TCQS, lập hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức Hội đồng nghiệm thu TCQS;

Thành phần Hội đồng nghiệm thu, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCQS. Thư ký Hội đồng là cán bộ của Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành; Thành viên Hội đồng bao gồm đại diện Ban Biên soạn, đại diện Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu, đơn vị sản xuất, sửa chữa, đơn vị sử dụng và các chuyên gia (nếu có);

Giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng nghiệm thu, hoàn thiện TCQS, lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này gửi Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành thẩm tra hồ sơ TCQS.

2. Thẩm tra hồ sơ TCQS

Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành tổ chức thẩm tra hồ sơ TCQS về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp, hồ sơ TCQS không đáp ứng theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư này, phải có văn bản yêu cầu Ban Biên soạn TCQS hoàn thiện. Kết quả thẩm tra được lập thành biên bản.

3. Ban hành TCQS

Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành lập hồ sơ TCQS theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư này báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cục chuyên ngành ban hành theo quy định.

Chương IV
HỒ SƠ, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Mục 1
KỸ THUẬT TRÌNH BÀY TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Điều 17. Trình bày, thể hiện nội dung TCVN/QS

1. Ký hiệu tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

a) Chữ viết tắt TCVN/QS, số hiệu, năm ban hành tiêu chuẩn. Số hiệu, năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:) và được đặt sau chữ viết tắt TCVN/QS.

Ví dụ: TCVN/QS 2160:2020 là ký hiệu của tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng có số hiệu là 2160, được ban hành năm 2020.

b) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng quản lý và cấp số hiệu TCVN/QS.

2. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng hoàn toàn tương đương với tiêu chuẩn quốc tế, ký hiệu tiêu chuẩn gồm ký hiệu

tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và ký hiệu tiêu chuẩn quốc tế để trong ngoặc đơn (), cách nhau khoảng trống ký tự.

Ví dụ: TCVN/QS 1960:2020 (ISO 15:2015) là ký hiệu tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng có số hiệu 1960 được xây dựng trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế ISO 15:2015 và được ban hành năm 2020.

Ký hiệu tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng được trình bày trên trang bìa như sau:

Phần nằm ở trên bao gồm ký hiệu của tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

Phần nằm ở dưới bao gồm ký hiệu đầy đủ của tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận hoàn toàn thành tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Ví dụ: Ký hiệu TCVN/QS 1960:2020

ISO 15:2015

3. Ký hiệu tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thay thế bao gồm số hiệu của tiêu chuẩn được thay thế, năm ban hành tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thay thế, được phân cách bằng dấu hai chấm (:) và được đặt sau ký hiệu TCVN/QS.

Ví dụ: TCVN/QS 188 ban hành năm 2020 để thay thế TCVN/QS 188:2008 được ký hiệu là TCVN/QS 188:2020.

4. Trường hợp một số tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thay thế nhiều tiêu chuẩn hoặc một phần của một tiêu chuẩn quốc gia khác trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng thì tiêu chuẩn quốc gia thay thế được mang số hiệu mới.

5. Ký hiệu bản sửa đổi của tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng bao gồm chữ "SỬA ĐỔI" kèm theo số thứ tự lần sửa đổi và năm ban hành, được phân cách bằng dấu hai chấm (:) đứng trước ký hiệu tiêu chuẩn được sửa đổi.

Ví dụ: SỬA ĐỔI 1: 2020 TCVN/QS 703:2008 là ký hiệu của bản sửa đổi lần thứ nhất của TCVN/QS 703:2008, được ban hành năm 2020.

6. Trình bày và thể hiện nội dung TCVN/QS thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2:2008 được công bố tại Quyết định số 2916/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Trình bày, thể hiện nội dung QCVN/BQP

1. Ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

a) Chữ viết tắt QCVN, số hiệu, năm ban hành quy chuẩn và chữ viết tắt BQP. Số hiệu, năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:) và được đặt sau chữ viết tắt QCVN, chữ viết tắt BQP được đặt sau năm ban hành và được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ: QCVN 01:2012/BQP là ký hiệu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng có số hiệu là 01, được ban hành năm 2012.

b) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng quản lý và cấp số hiệu QCVN/BQP.

2. Trình bày, thể hiện nội dung QCVN/BQP theo quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 19. Trình bày, thể hiện nội dung TCQS

1. Ký hiệu tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

a) Chữ viết tắt TCQS, số hiệu, năm ban hành tiêu chuẩn và tên cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng tiêu chuẩn. Số hiệu, năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:) và đặt sau chữ viết tắt TCQS; tên cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng tiêu chuẩn được viết tắt theo quy định tại văn bản thành lập của cấp có thẩm quyền, đặt sau năm ban hành và phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ: TCQS 68:2020/BCHH là ký hiệu của tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng có số hiệu là 68, do Binh chủng Hóa học xây dựng và ban hành năm 2020.

b) Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành quản lý và cấp số hiệu TCQS.

2. Trình bày và thể hiện nội dung TCQS thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2:2008 được công bố tại Quyết định số 2916/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mục 2
HỒ SƠ TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Điều 20. Hồ sơ TCVN/QS

1. Hồ sơ TCVN/QS, gồm:

a) Kế hoạch xây dựng TCVN/QS được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành;

b) Đề cương xây dựng TCVN/QS;

c) Bản sao tài liệu làm căn cứ để xây dựng TCVN/QS;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến; bản sao ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với TCVN/QS;

đ) Biên bản nghiệm thu TCVN/QS của đơn vị chủ trì xây dựng;

e) Dự thảo TCVN/QS hoàn thiện sau nghiệm thu;

g) Hồ sơ thẩm định pháp chế kỹ thuật (nếu có);

h) Văn bản thẩm tra của cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS;

i) Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS.

k) Biên bản thẩm định TCVN/QS của Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; văn bản thẩm định của Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;

l) Văn bản giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định; dự thảo TCVN/QS đã được cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu các ý kiến thẩm định;

m) Tờ trình ban hành Thông tư ban hành TCVN/QS;

n) Dự thảo Thông tư ban hành TCVN/QS.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định TCVN/QS thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ trình duyệt ban hành TCVN/QS thực hiện theo quy định tại các điểm k, l, m và n khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCVN/QS bao gồm:

a) TCVN/QS đề nghị bãi bỏ;

b) Văn bản đề nghị bãi bỏ TCVN/QS của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng TCVN/QS kèm theo Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

c) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về việc bãi bỏ TCVN/QS trong quá trình rà soát và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Hồ sơ lưu TCVN/QS bao gồm các văn bản, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ TCVN/QS được lưu trữ tại Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng và cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 21. Hồ sơ QCVN/BQP

1. Hồ sơ QCVN/BQP bao gồm:

a) Kế hoạch xây dựng QCVN/BQP được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành;

b) Đề cương xây dựng QCVN/BQP;

c) Bản sao tài liệu là căn cứ xây dựng QCVN/BQP;

d) Bản tổng hợp tiếp thu ý kiến; bản sao ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với QCVN/BQP;

đ) Biên bản nghiệm thu QCVN/BQP của đơn vị chủ trì xây dựng;

e) Dự thảo QCVN/BQP hoàn thiện sau nghiệm thu;

g) Văn bản thẩm tra của cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng trực thuộc cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP;

h) Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP.

i) Biên bản thẩm định QCVN/BQP của Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; văn bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;

k) Văn bản giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định; dự thảo QCVN/BQP hoàn thiện sau giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

l) Tờ trình ban hành Thông tư ban hành QCVN/BQP;

m) Dự thảo Thông tư ban hành QCVN/BQP.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định QCVN/BQP thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ trình duyệt ban hành QCVN/BQP thực hiện theo quy định tại các điểm i, k, l và m khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ QCVN/BQP bao gồm:

a) QCVN/BQP đề nghị bãi bỏ;

b) Văn bản đề nghị bãi bỏ QCVN/BQP của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng QCVN/BQP kèm theo Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

c) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về việc bãi bỏ QCVN/BQP trong quá trình rà soát và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Hồ sơ lưu QCVN/BQP bao gồm các văn bản, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ QCVN/BQP được lưu trữ tại Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng và cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 22. Hồ sơ TCQS

1. Hồ sơ TCQS bao gồm:

a) Kế hoạch xây dựng TCQS được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đề cương xây dựng TCQS;

c) Bản sao tài liệu làm căn cứ để xây dựng TCQS;

d) Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến; bản sao góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với TCQS;

đ) Biên bản nghiệm thu TCQS của cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng;

e) Văn bản giải trình, tiếp thu các ý kiến và dự thảo TCQS hoàn thiện sau nghiệm thu;

g) Văn bản thẩm tra của cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng trực thuộc đơn vị chủ trì xây dựng.

h) Tờ trình đề nghị ban hành TCQS.

2. Hồ sơ trình duyệt ban hành TCQS thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCQS bao gồm:

a) TCQS đề nghị bãi bỏ;

b) Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị của cơ quan, đơn vị rà soát;

c) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về việc bãi bỏ TCQS trong quá trình rà soát (nếu có);

d) Văn bản đề nghị bãi bỏ TCQS của cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành ban hành TCQS;

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

4. Hồ sơ lưu trữ TCQS gồm các văn bản, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành ban hành TCQS có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ TCQS theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành ban hành TCQS có trách nhiệm gửi Quyết định ban hành và TCQS được ban hành đến Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng.

Chương V

RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ, THÔNG BÁO TCVN/QS, QCVN/BQP, TCQS

Điều 23. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCVN/QS

1. Rà soát TCVN/QS:

a) TCVN/QS được rà soát định kỳ 05 năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết kể từ ngày ký ban hành;

b) Hằng năm, Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng lập danh mục TCVN/QS đến thời hạn phải rà soát, thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện rà soát TCVN/QS theo yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này và các quy định khác có liên quan;

d) Kết quả rà soát TCVN/QS của cơ quan, đơn vị được lập thành các danh mục sau: Danh mục TCVN/QS còn hiệu lực; danh mục TCVN/QS sửa đổi, bổ sung, thay thế; danh mục TCVN/QS bãi bỏ;

đ) Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng tổng hợp kết quả rà soát TCVN/QS, báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN/QS:

a) Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN/QS được đưa vào kế hoạch hằng năm theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

b) Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN/QS thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Bãi bỏ TCVN/QS:

Bãi bỏ TCVN/QS trên cơ sở kết quả rà soát TCVN/QS thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập và gửi hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCVN/QS theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này gửi về Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thẩm định; báo cáo Tổng Tham mưu trưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 24. Rà soát QCVN/BQP

Rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ QCVN/BQP thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Điều 25. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCQS

1. Rà soát TCQS:

a) TCQS được rà soát định kỳ 05 năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết kể từ ngày ký ban hành;

b) Hằng năm, cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành có trách nhiệm lập danh mục TCQS đến thời hạn rà soát, thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát TCQS được thông báo theo yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này và các quy định khác có liên quan;

d) Kết quả rà soát TCQS của cơ quan, đơn vị được lập thành các danh mục sau: Danh mục TCQS còn hiệu lực; danh mục TCQS sửa đổi, bổ sung, thay thế; danh mục TCQS bãi bỏ.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế TCQS:

a) Sửa đổi, bổ sung, thay thế TCQS được đưa vào kế hoạch hằng năm theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế TCQS thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

3. Bãi bỏ TCQS:

Bãi bỏ TCQS trên cơ sở kết quả rà soát TCQS quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị lập và gửi hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCQS theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư này gửi về cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành để thẩm tra;

b) Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thẩm tra hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCQS; báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành quyết định việc bãi bỏ.

Điều 26. Thông báo, xuất bản và phát hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng:

a) Thông báo việc ban hành, bãi bỏ TCVN/QS, QCVN/BQP đến các cơ quan, đơn vị có liên quan bằng văn bản và đăng tải trên tạp chí quân sự, quốc phòng;

b) In, chuyển giao TCVN/QS, QCVN/BQP theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN/QS, QCVN/BQP và các tiêu chuẩn khác có liên quan;

d) Định kỳ 03 năm phát hành danh mục TCVN/QS, QCVN/BQP.

2. Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, cục chuyên ngành thực hiện:

a) In, chuyển giao, hướng dẫn áp dụng TCQS cho các cơ quan, đơn vị trong phạm vi cấp ban hành;

b) Tổng hợp và thông báo TCQS ban hành đến Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương VI

KINH PHÍ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Điều 27. Nguồn kinh phí bảo đảm

1. Kinh phí được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị để chi cho hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Các nguồn thu hợp pháp khác được để lại bổ sung kinh phí hoạt động.

3. Công tác quản lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng là nhiệm vụ theo chức năng của các cơ quan, đơn vị. Trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hằng năm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí kinh phí để thực hiện việc lập kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phù hợp với tiến độ triển khai nhiệm vụ.

Điều 28. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước của Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 29. Bộ Tổng Tham mưu

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Chỉ đạo công tác xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành TCVN/QS, QCVN/BQP áp dụng trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Chỉ đạo Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng quản lý, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong toàn quân xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Điều 30. Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng

1. Tham mưu cho Tổng Tham mưu trưởng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch xây dựng TCVN/QS, QCVN/BQP; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chủ trì tổ chức thẩm định dự thảo TCVN/QS, QCVN/BQP theo quy định.

3. Hằng năm tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn về công tác tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các đơn vị trong toàn quân, tổng hợp báo cáo Tổng Tham mưu trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

Điều 31. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; cục chuyên ngành

1. Xây dựng và triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm, duy trì chất lượng đối với các đối tượng quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này;

2. Chủ trì tổ chức xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về nội dung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành.

3. Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hoạt động liên quan khác cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 32. Đơn vị sản xuất, sửa chữa quốc phòng và cung cấp dịch vụ quân sự, quốc phòng

1. Xây dựng, áp dụng, công bố sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm quốc phòng sản xuất, sửa chữa, cải tiến; dịch vụ liên quan đến quân sự, quốc phòng của đơn vị.

2. Phản ánh kịp thời những nội dung không phù hợp trong quá trình áp dụng QCVN/BQP, TCVN/QS, TCQS cho cơ quan chủ trì soạn thảo và Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng để đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 33. Cơ quan Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng

1. Chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng; tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi quản lý.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch xây dựng TCVN/QS, QCVN/BQP; lập, trình phê duyệt và hướng dẫn tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng TCQS.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

4. Thẩm tra hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo các quy định tại Thông tư này.

5. Báo cáo Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng việc thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BQP ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng; Thông tư số 282/2010/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi một số điểm của Thông tư số 95/2008/TT-BQP ngày 27 tháng 6 năm 2008.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Bế Xuân Trường

Phụ lục I

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM NĂM XÂY DỰNG TCVN/QS (QCVN/BQP)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2020/TT-BQP ngày 07 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

KẾ HOẠCH NĂM NĂM

Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng từ năm... đến ...

Căn cứ.....

Căn cứ.....

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

II. NỘI DUNG

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/Đối tượng TCVN/QS (QCVN/BQP)	Loại TCVN/QS (QCVN/BQP)	Số lượng TCVN/QS (QCVN/BQP) cần xây dựng						Kinh phí thực hiện			Đơn vị chủ trì
			Tổng số	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A											
1.1	Lĩnh vực											
1.1.1	Đối tượng											

Thuyết minh nội dung:

- Phân tích, đánh giá thực trạng lĩnh vực tiêu chuẩn (quy chuẩn kỹ thuật) tương ứng với hệ thống tiêu chuẩn (quy chuẩn kỹ thuật) quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng hiện hành;

- Xác định nhu cầu xây dựng TCVN/QS (QCVN/BQP) trong từng lĩnh vực;

- Xác định đối tượng cụ thể và loại TCVN/QS (QCVN/BQP) cần xây dựng;

- Dự kiến về khả năng đảm bảo nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện;

- Dự kiến thời gian thực hiện.

III. THÀNH PHẦN

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

V. ...../.

Phụ lục II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH HÀNG NĂM XÂY DỰNG TCVN/QS (QCVN/BQP)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2020/TT-BQP ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

KẾ HOẠCH

Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng năm...

Căn cứ.....

Căn cứ.....

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

II. NỘI DUNG

TT	Lĩnh vực/Đối tượng TCVN/QS (QCVN/BQP)	Tên TCVN/QS (QCVN/BQP)	Phương thức xây dựng TCVN/QS (QCVN/BQP)	Cơ quan/Đơn vị chủ trì biên soạn	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành...									
1.1	Lĩnh vực									
1.1.1	Đối tượng									

Thuyết minh nội dung:

- Tính phù hợp với kế hoạch năm năm xây dựng tiêu chuẩn (quy chuẩn kỹ thuật) quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng;

- Sự phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn (quy chuẩn kỹ thuật) quốc gia hiện hành (không trùng lặp...);

- Sự đáp ứng nhu cầu quản lý, sản xuất, nhu cầu hài hòa tiêu chuẩn,...;

- Dự kiến kế hoạch hướng dẫn, phổ biến áp dụng TCVN/QS (QCVN/BQP) được ban hành theo kế hoạch;

- Dự kiến kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí.

III. THÀNH PHẦN

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

V. ...../.

Phụ lục III
NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG TCVN/QS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2020/TT-BQP ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

ĐỀ CƯƠNG
Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

1. Tên tiêu chuẩn:

2. Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn:

3. Cơ quan chủ trì:

4. Trưởng Ban biên soạn: (ghi đầy đủ theo thứ tự cấp bậc, học hàm, học vị, họ tên, chức vụ, đơn vị)

5. Danh sách cán bộ tham gia: (ghi đầy đủ theo thứ tự cấp bậc, học hàm, học vị, họ tên, chức vụ, đơn vị)

6. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn: (ngoài nước, trong nước, trong Quân đội, nhu cầu, tính cấp thiết…)

7. Lý do và mục đích xây dựng TCVN/QS

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Thông tin, thông hiểu
+ Tiết kiệm
+ An toàn sức khoẻ môi trường
+ Giảm chủng loại
+ Đổi lẫn
+ Các mục đích khác (ghi dưới)
+ Chức năng công dụng chất lượng

- Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? ☐ có ☐ không

- Căn cứ

+ Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không? ☐ có ☐ không

+ Thuộc chương trình nào?

+ Yêu cầu hài hòa tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): ☐ có ☐ không

8. Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn

- Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa
+ Tiêu chuẩn cơ bản
+ Phân loại
+ Yêu cầu an toàn vệ sinh

+ Ký hiệu

+ Thông số và kích thước cơ bản

+ Yêu cầu kỹ thuật

+ Tiêu chuẩn toàn diện

+ Tiêu chuẩn về phân cấp chất lượng

+ Yêu cầu về môi trường

+ Lấy mẫu

+ Phương pháp thử và kiểm tra

+ Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản

+ Các khía cạnh và yêu cầu khác (ghi cụ thể ở dưới) :

- Bố cục, nội dung các phần chính của TCVN/QS dự kiến (bố cục theo loại tiêu chuẩn; ghi cụ thể các sườn chính của tiêu chuẩn):

- Nhu cầu khảo nghiệm tiêu chuẩn trong thực tế: ☐ có ☐ không

(nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

9. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng TCVN/QS

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới

+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực

+ Sửa đổi, bổ sung

+ Thay thế

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN/QS (bản chụp kèm theo)

10. Cơ quan phối hợp

- Cơ quan, đơn vị xây dựng dự thảo đề nghị:

- Cơ quan, đơn vị phải lấy ý kiến:

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Biên soạn dự thảo TCVN/QS		
2	Lấy ý kiến		
3	Hội nghị nghiệm thu		
4	Hoàn chỉnh dự thảo TCVN/QS và lập Hồ sơ dự thảo TCVN/QS		
5	Thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN/QS		
6	Gửi Hồ sơ dự thảo TCVN/QS để thẩm định		
7	Thẩm định dự thảo TCVN/QS		

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
8	Lập Hồ sơ TCVN/QS trình duyệt		
9	Trình duyệt, ban hành		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến:…….trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: .....

- Các nguồn ngân sách khác: .....

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện:...../.

Phụ lục IV

NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG QCVN/BQP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2020/TT-BQP ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

ĐỀ CƯƠNG

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

1. Tên gọi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN ..... : ..... /BQP, ...

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

3. Cơ quan, đơn vị đề nghị:

Tên cơ quan, đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... ; Fax: ..... ; E-mail: .....

4. Tình hình đối tượng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong nước và ngoài nước:

5. Lý do và mục đích xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

+ Đảm bảo an toàn	☐	+ Bảo vệ động, thực vật	☐
+ Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe	☐	+ Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	☐
+ Bảo vệ môi trường	☐	+ Các mục tiêu quản lý khác (ghi rõ mục tiêu quản lý)	☐
+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia	☐		

- QCVN dùng để: Chứng nhận hoặc công bố hợp quy ☐

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Trích dẫn số văn bản, tên gọi văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên;

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực;

+ Các yêu cầu quản lý khác.

6. Loại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

+ Quy chuẩn kỹ thuật chung ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật an toàn ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ ☐

+ Quy chuẩn kỹ thuật khác ☐

7. Những vấn đề sẽ quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý	☐	+ An toàn thuốc bảo vệ thực vật	☐
+ Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ, quá trình	☐	+ An toàn thuốc thú y	☐
+ An toàn sinh học	☐	+ An toàn chế phẩm sinh học và hóa chất dùng cho động thực vật	☐
+ An toàn cháy nổ	☐	+ Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh	☐
+ An toàn cơ học	☐	+ Yêu cầu về chất thải	☐
+ An toàn công nghiệp	☐	+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa	☐
+ An toàn xây dựng	☐	+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, sản phẩm, hàng hóa	☐
+ An toàn hoá học	☐	+ An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại	☐
+ An toàn điện	☐	+ An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông	☐
+ An toàn thiết bị y tế	☐	+ An toàn trong dịch vụ xây dựng	☐
+ Tương thích điện từ trường	☐	+ An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục	☐
+ An toàn bức xạ và hạt nhân	☐	+ An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe	☐
+ An toàn vệ sinh thực phẩm	☐	+ An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch	☐
+ An toàn dược phẩm	☐	+ An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao	☐
+ An toàn mỹ phẩm	☐	+ An toàn trong dịch vụ vận tải	☐

+ An toàn phân bón ☐ + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) ☐

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (dự kiến):

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: ☐ có ☐ không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm).

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở tiêu chuẩn ☐

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác ☐

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác ☐

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (bản sao kèm theo):

9. Kiến nghị Ban Biên soạn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Cơ quan, tổ chức biên soạn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

(tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCVN)

- Ban Biên soạn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

(dự kiến thành viên Ban Biên soạn)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

11. Dự kiến tiến độ thực hiện:

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị tài liệu; xây dựng và xét duyệt Đề cương		
2	Biên soạn dự thảo QCVN: - Nghiên cứu, xây dựng dự thảo; - Khảo nghiệm dự thảo;		

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
	- Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN.		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức Hội nghị nghiệm thu		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
7	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện:

a. Tổng kinh phí dự kiến: ……..... trong đó: …….....

- Ngân sách Nhà nước: ....

- Nguồn khác: .....

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện:

TT	Nội dung sử dụng	Dự toán kinh phí
1	Lập và xét duyệt Đề cương	
2	Khảo nghiệm dự thảo QCVN (nếu có)	
3	Xin ý kiến đóng góp, phản biện	
4	Hội nghị chuyên đề	
5	Thẩm tra, thẩm định và ban hành	

Phụ lục V

NỘI DUNG CÔNG VĂN XIN Ý KIẾN DỰ THẢO TCVN/QS (QCVN/BQP)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2020/TT-BQP ngày 07 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Kính gửi: …….....

Thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN/QS (QCVN/BQP) năm …., của ……

Chúng tôi xin gửi tới: ……

Bản dự thảo ……., (ký hiệu, tên tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật).

Đề nghị các đồng chí góp ý kiến và gửi cho chúng tôi trước ngày...tháng...năm...

Ý kiến góp ý

1. Đồng ý hoàn toàn với dự thảo:	☐
2. Đồng ý với dự thảo với một số đề nghị bổ sung:	☐
3. Không đồng ý với dự thảo:	☐

NGƯỜI GÓP Ý **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ GÓP Ý**

CHÚ THÍCH:

1) Đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô trên;

2) Giải thích phần góp ý chi tiết vào tờ sau (có dấu giáp lai).

Phụ lục: PHẦN GÓP Ý, BỔ SUNG

(Ký hiệu, tên tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật)

TT	Điều trong dự thảo	Nội dung dự thảo	Ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung

Phụ lục VI

NỘI DUNG TỔNG HỢP, XỬ LÝ CÁC Ý KIẾN GÓP Ý

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2020/TT-BQP ngày 07 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

BẢN TỔNG HỢP

Tiếp thu các ý kiến góp ý cho dự thảo TCVN/QS (QCVN/BQP)

Tên dự thảo Tiêu chuẩn (Quy chuẩn kỹ thuật):

Ký hiệu: …

Tổng số đơn vị gửi xin ý kiến đóng góp:

Tổng số ý kiến của đơn vị đã gửi Ban biên soạn:

Tổng số ý kiến góp ý:

+ Số ý kiến góp ý Ban biên soạn bảo lưu:

+ Số ý kiến góp ý Ban biên soạn tiếp thu:

TT	Đơn vị góp ý	Số phần, Điều trong dự thảo	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu